

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/DSPT

Ngày: 24/3/2017

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Nguyễn Hữu Minh

Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Văn Tính

Ông Nguyễn Anh Văn

-Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thu Hiền- Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh

-Đại diện VKS nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 05/2017/TLPT- HNGĐ ngày 05/10/2016 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2016/HNGĐ-ST ngày 10/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2016/QĐ-PT ngày 11/11/2016 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành V, sinh năm 1978. Có mặt
Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.
2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1978. Có mặt
Địa chỉ: số x, đường Y, phường N, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
3. *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị P, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và tài liệu trong hồ sơ thì nội dung vụ kiện như sau:

Phía nguyên đơn là anh Nguyễn Thành V trình bày:

Anh và chị P lấy nhau năm 2002 tại Hàn Quốc, đến ngày 30/12/2005 đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần Phú, thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định trên cơ sở tự nguyện. Năm 2009, vợ chồng về nước sinh sống tại thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định, năm 2011 về Bắc Ninh sinh sống đến nay. Cuộc sống vợ chồng trong những năm đầu hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị P thường xuyên dùng những lời lẽ thô tục chửi anh và xúc phạm đến

gia đình anh; vợ chồng không cùng chung quan điểm làm ăn kinh tế và trong cách nuôi dạy con cái. Anh góp ý với chị P không được nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và sống ly thân từ năm 2013 đến nay, anh thuê nhà trọ để ở cùng với con cái, hai bên không có quan hệ gì. Nay anh thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống, anh xin được ly hôn chị P.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành N Y, sinh ngày 10/6/2002 và Nguyễn Thành P L, sinh ngày 05/5/2007. Hiện nay cháu Y đang ở với anh, cháu L đang ở với chị . Khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cháu Y, chị P nuôi cháu Lộc, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng có thừa đất số n , tờ bản đồ số m, diện tích 81m² tại đường H, khu D, phường V, thành phố Bắc Ninh đứng tên hai vợ chồng. Nguồn gốc thừa đất: năm 2007, vợ chồng tích góp được 1 khoản tiền từ Hàn Quốc rồi mua một ngôi nhà và đất tại Qui Nhơn, Bình Định với giá 500.000.000đ, đất mang tên chị P vì lúc đó anh đang lao động tại nước ngoài; năm 2012 vợ chồng bán đi rồi mua thừa đất số n tại Bắc Ninh. Nay anh xác định nếu vợ chồng tự thỏa thuận được thì anh đồng ý giành cho chị P phần hơn, nếu chị P không đồng ý thì anh đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật. Do anh không có kinh tế nên để chị P lấy đất và có nghĩa vụ trích trả anh bằng tiền.

Về công nợ: không có.

Phía bị đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị công nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như anh V trình bày là đúng. Năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V ngoại tình, chị và gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh V không nghe. Do anh V không muốn chung sống nên đã tự bỏ nhà đi từ năm 2013 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm, anh V xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành N Y, sinh ngày 10/6/2002 và Nguyễn Thành P L, sinh ngày 05/5/2007. Ly hôn, chị đồng ý quan điểm của anh V và xin được nuôi cháu Lộc, anh V nuôi cháu Y.

Về tài sản chung: Không có.

Hiện tại vợ chồng chị có 1 thừa đất tại đường H như anh V trình bày, chị xác định đây là tài sản riêng của chị. Nguồn gốc thừa đất: năm 2007, ông S là bố chị mang tiền bán đất ở Khu Khắc Niệm vào mua cho chị một căn hộ ở Qui Nhơn, Bình Định với giá 500.000.000đ, nên giấy tờ nhà đất mang tên cá nhân chị, mua xong nhà đất chị mới thông báo cho anh V biết vì lúc đó anh V đi lao động bên Nga. Năm 2012, chị bán đất này cho chú của anh V, khi bán hai vợ chồng cùng ký, số tiền bán được 1,5 tỷ, chị gửi vào tài khoản của chị. Sau đó, anh V bảo để anh mang tiền đi gửi ở ngân hàng khác lãi suất cao hơn, tin lời anh V nên chị đã đưa toàn bộ số tiền này vào tài khoản của anh V. Khi mua đất ở đường H thì vợ chồng lấy số tiền này ra mua đất. Lúc mua là hai vợ chồng và anh trai chị P đi mua, sau đó làm thủ tục giấy tờ mang tên hai vợ chồng. Vì vậy chị xác định đây là tài sản riêng của chị, chị không đồng ý chia.

Về công nợ: không có.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 33, 55, 59, 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận: anh Nguyễn Thành V nuôi con chung Nguyễn Thành N Y, sinh ngày 10/6/2002, chị Nguyễn Thị P nuôi con chung Nguyễn Thành P L, sinh ngày 05/5/2007. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

3. Về tài sản chung: xác nhận thửa đất số n, tờ bản đồ số m, diện tích 81m² tại đường H, khu D, phường V, thành phố Bắc Ninh mang tên anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thị P là tài sản chung của anh V, chị P.

Giao cho chị Nguyễn Thị P được quyền sử dụng thửa đất số n, tờ bản đồ số m, diện tích 81m² tại đường H, khu D, phường V, thành phố Bắc Ninh mang tên anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thị P. Nhưng chị P phải có nghĩa vụ trích trả anh Nguyễn Thành V 1.620.000.000đ (Một tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

Không xem xét yêu cầu của ông S tại phiên tòa đòi chị P thửa đất thửa đất số n, tờ bản đồ số m, diện tích 81m² tại đường H, khu D, phường V, thành phố Bắc Ninh mang tên anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thị P.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 22/8/2016 chị Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo không đồng ý về phần tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chị P vẫn cho rằng thửa đất đó là tài sản riêng của cá nhân chị nên không đồng ý chia cho anh V, nếu có phải chia thì chị phải được phần hơn.

Anh Nguyễn Thành V cho rằng quá trình giải quyết ở sơ thẩm anh đã đưa ra cách giải quyết để hai người thỏa thuận và anh sẽ giành cho chị phần hơn nhưng chị P không nghe vẫn cho rằng đó là tài sản riêng của cá nhân và còn kháng cáo, thuê Luật sư để kéo dài vụ án nên anh không chấp nhận chia phần hơn cho chị P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự pháp luật quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, không có căn cứ để cho rằng thửa đất số n, tờ bản đồ số m, diện tích 81m² tại đường H, khu D, phường V, thành phố Bắc Ninh mang tên anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thị P là tài sản riêng của chị P. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị P.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghe các bên trình bày ý kiến tranh luận. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Anh Nguyễn Thành V và anh chị Nguyễn Thị P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Trần Phú, thành phố Qui Nhơn, tỉnh Bình Định, đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, luôn xảy ra xung đột trong việc chăm sóc con cái cũng như kinh tế trong gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2013 đến nay, anh V thuê nhà ở riêng, vợ chồng không còn tình cảm gì, không thể đoàn tụ gia đình. Bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thị P là có căn cứ.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành N Y sinh ngày 10/6/2002 và Nguyễn Thành P L, sinh ngày 05/5/2007. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận thỏa thuận của anh V, chị P: anh V nuôi cháu N Y, chị P nuôi cháu Lộc, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra là đúng qui định pháp luật.

Xét kháng cáo của chị P không đồng ý về phần tài sản, chị P cho rằng thừa đất số n, tờ bản đồ số m, diện tích 81m² tại đường H, khu D, phường V, thành phố Bắc Ninh mang tên anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thị P là tài sản riêng của chị. Vì vậy, chị không đồng ý chia tài sản cho anh V; Hội đồng xét xử xét thấy: anh V và chị P lấy nhau từ năm 2002, tuy chưa đăng ký kết hôn nhưng có hôn nhân thực tế, anh chị lao động tại Hàn Quốc. Đến năm 2007, chị P về nước sinh con thứ hai thì đứng tên mua nhà đất tại tổ e, khu vực k, phường T, TP Qui Nhơn vì anh V không có mặt ở Việt Nam. Chị P cho rằng nguồn gốc số tiền mua nhà đất trên là do bố mang 500.000.000đ từ Bắc Ninh vào Qui Nhơn chị mua nhà đất cho chị và là người trực tiếp giao tiền cho phía bán nhà đất này nhưng chị không xuất trình được chứng cứ gì chứng minh là không có căn cứ. Phía anh V cho rằng nguồn gốc số tiền mua đất tại Qui Nhơn là số tiền anh V chị P đã tích lũy từ khi hai vợ chồng lao động tại nước ngoài là có căn cứ và phù hợp.

Năm 2012, do nhu cầu sinh sống lâu dài tại Bắc Ninh nên anh V, chị P đã cùng đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Bảo, bà Liên. Việc này thể hiện anh V, chị P cùng thống nhất coi đó là tài sản chung và cùng định đoạt tài sản đó. Số tiền bán nhà đất tại Qui Nhơn, lúc đầu là do chị P quản lý, sau đó chị P chuyển tiền sang cho anh V quản lý, không có tranh chấp gì. Sau đó vợ chồng cùng thống nhất mua đất tại Bắc Ninh đứng tên anh V chị P trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị P ban đầu thừa nhận thừa đất số n, tờ bản đồ số m, diện tích 81m² tại đường H, khu D, phường V, thành phố Bắc Ninh là tài sản chung vợ chồng, nhưng sau đó chị P thay đổi lời khai và cho rằng đây là tài sản riêng của chị là không có căn cứ. Việc mua đất và làm các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thừa đất mang tên anh V chị P đều là tự nguyện, thống nhất và không xảy ra tranh chấp. Ý chí của các bên đều thừa nhận đó là tài sản chung nên mới thống nhất đứng tên cả anh V và chị P trong giấy chứng nhận quyền sử dụng trên thừa đất số n, tờ bản đồ số m, diện tích 81m² tại đường H, khu D, phường V, thành phố Bắc Ninh.

Khối tài sản trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, có công sức đóng góp của anh V, chị P là tài sản chung vợ chồng. Nay anh V và chị P ly hôn, tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số n, tờ bản đồ số m, diện tích 81m² tại đường H, khu D, phường V, thành phố Bắc Ninh cần được chia đôi. Do chị P hiện nay ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, anh V có nguyện vọng để chị P lấy phần đất và trích trả anh bằng tiền, nên cần giao cho chị P quản lý sử dụng thửa đất số n, tờ bản đồ số m, diện tích 81m² tại đường H, khu D, phường V, thành phố Bắc Ninh, nhưng chị P phải trích trả anh V $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất là 1.620.000.000đ. Vì vậy, kháng cáo của chị P là không có căn cứ, không được chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phần xét thấy của bản án sơ thẩm nhận định “chị P có nghĩa vụ trích trả anh V 1.610.000.000đ là chưa chính xác, phần Quyết định tuyên “chị P có nghĩa vụ trích trả anh V 1.620.000.000đ” là đúng với $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất, nhưng số tiền viết bằng chữ bị thiếu cần rút kinh nghiệm. Mặt khác, bản án sơ thẩm không tuyên nghĩa vụ thi hành án của đương sự là thiếu sót, cần sửa để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về án phí: chị P không phải chịu 200.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị P.

Sửa bản án sơ thẩm, áp dụng Điều 33, 55, 59, 81 Luật Hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thị P.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận anh Nguyễn Thành V nuôi con chung Nguyễn Thành N Y, sinh ngày 10/6/2002, chị Nguyễn Thị P nuôi con chung Nguyễn Thành P L, sinh ngày 05/5/2007. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

3. Về tài sản chung: xác nhận thửa đất số n, tờ bản đồ số m, diện tích 81m² tại đường H, khu D, phường V, thành phố Bắc Ninh mang tên anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thị P là tài sản chung của anh V, chị P.

Giao cho chị Nguyễn Thị P được quyền sử dụng thửa đất số n, tờ bản đồ số m, diện tích 81m² tại đường H, khu D, phường V, thành phố Bắc Ninh có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Thành V và chị Nguyễn Thị P, nhưng chị P phải có nghĩa vụ trích trả anh Nguyễn Thành V 1.620.000.000đ (Một tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi suất theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị P, anh V mỗi người phải chịu 60.600.000đ (sáu mươi triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung. Anh V phải chịu 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh V đã nộp 200.000đ tại biên lai thu số 01287 ngày 18/3/2016 và số tiền 25.500.000đ tại biên lai thu số 01364 ngày 27/4/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Chị Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị P đã nộp 200.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 01530 ngày 22/8/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND TP Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP Bắc Ninh;
- Các đương sự
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Minh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Xuân Hải - Hoàng Thị Luận

Nguyễn Hữu Minh